TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 03 */2022/*DS-ST
Ngày: 18 / 5 */2022*
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trịnh Đình Hồng; Bà Lê Thị Hằng
- *Thư ký phiên toà*: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số *57/2021* /TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp: " *Hợp đồng vay tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01 /QĐXX-DS ngày 01 / 04 /2022; quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1Nguyên đơn *:* Chị Lê Thị O sinh năm 1963
Trú tại**:** Khu phố 5, phường B , thị xã B , tỉnh T (có mặt)
2.Bị đơn*:* Chị Phạm Thị T sinh năm 1983 (vợ);
Anh Hoàng Ngọc L sinh năm 1979 (chồng)
Trú tại: Khu phố 11, phường Ngọc T , thị xã B , tỉnh T.
(Chị T và anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2021 , bản tự khai ngày 29 tháng 11 năm 2021 , quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày:

Ngày 24/01/2018 chị có cho vợ chồng anh Hoàng Ngọc L và chị Phạm Thị T vay số tiền 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*) theo giấy vay tiền ngày 24/01/2018 do anh L , chị T ký giấy nhận nợ. Theo nội dung giấy nhận nợ thì đến ngày 24/04/2019 anh L và chị T phải trả số tiền vay, anh L và chị T mới trả được tổng số tiền là 6.000.000đ (cụ thể vào các ngày 20/05/2019 trả 2.000.000đ; ngày 24/6/2019 trả: 2.000.000đ; ngày 27/8/2019 trả: 2000.000đ) và từ đó đến nay anh L và chị T không trả được thêm đồng nào nữa. Tính đến nay số tiền gốc anh L và chị T còn nợ chị là 164.000.000đ (Một trăm sáu mươi tư triệu đồng). Chị đã đi đòi nhiều lần nhưng vợ chồng chị T và anh L vẫn không chịu trả. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh L và chị T phải trả số tiền gốc: 164.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật tính đến ngày Tòa án xét xử .

Tại bản tự khai ngày 11/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Năm 2018 vợ chồng chị có vay của chị O số tiền 170.000.000đ *(*

một trăm bảy mươi triệu đồng) để lấy vốn làm ăn. Do làm ăn thất bát nên chưa trả được số tiền đó cho chị O . Đến nay, chị O có đơn khởi kiện ra Tòa án chị cũng nhất trí trả nhưng xin được trả dần.

Tại bản tự khai ngày 24/03/2022 anh Hoàng Ngọc L trình bày: Ngày 24/01/2018 vợ chồng anh có vay của chị Lê Thị O số tiền 170.000.000đ, hẹn đến ngày 24/04/2019 sẽ trả, nay điều kiện khó khăn nên vợ chồng anh chưa trả được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh xin khất và được trả dần cho chị Oanh. Anh Hoàng Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đây là lần thứ hai vắng mặt chị Phạm Thị T là bị đơn tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 điều 227 của BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Xét thấy, việc chị O có đơn khởi kiện đối với anh L, chị T về việc yêu cầu anh L , chị T phải trả số tiền đã vay của chị O theo giấy vay tiền ngày 24/01/2018 là quan hệ pháp luật: " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Anh L và chị T có địa chỉ tại khu phố 11, phường N , thị xã B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B . theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 39 bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung : Căn cứ giấy vay tiền ngày 24/01/2018 thì anh L và chị T vay của chị O số tiền 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), thời hạn trả nợ là ngày 24/04/2019. Theo nguyên đơn khai đến nay mới trả được 3 lần tiền, mỗi lần 2.000.000đ, tổng là 6.000.000đ, còn lại số tiền 164.000.000đ *(một trăm sáu mươi tư triệu đồng*), chị O yêu cầu vợ chồng chị T , anh L phải trả tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định. Xét đề nghị của chị O phù hợp với các quy định của pháp luật nên buộc anh L và chị T phải có trách nhiệm trả số nợ 164.000.000đ cho chị Lê Thị O là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật căn cứ vào điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm hướng dẫn đối với hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017 hoặc xác lập trước ngày 01/01/2017, nhưng thuộc trường hợp áp dụng bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng dẫn tại điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:

1.*Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc.*

Từ ngày 24/4/2019 là ngày phải trả nợ nhưng anh L chị T không trả được nợ nên phải chịu khoản lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Từ ngày tiếp theo của hạn phải trả nợ là ngày 25 /4/2019 đến ngày 18/5/2022 là ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 1.118 ngày, lãi suất theo khoản 2 điều 468 là 10% /năm. Vì vậy, mức lãi suất chậm trả được xác định là: (164.000.000đ x 10% x 1.118 ngày): 365 ngày = 50.233.424đ . Như vậy, tổng số tiền anh Lâm và chị Thúy phải trả cho chị Oanh là: 164.000.000 đ + 50.233.424 đ = 214.233.424đ (*Hai trăm mười bốn triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).*

[3**] Về án phí**: án phí Dân sự sơ thẩm anh L và chị T phải nộp: 10.711.671 đ (*Mười triệu, bảy trăm mười một ngàn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng*).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 3 điều 26 và khoản 3 điều 144 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 463;464;465;466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH; điểm b mục 1.3 khoản 1 mục II danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị O buộc anh Hoàng Ngọc L và chị Phạm Thị T phải có trách nhiệm (thanh toán) cho chị Lê Thị O số tiền 214.233.424đ (*Hai trăm mười bốn triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm hai mươi bốn đồng)* trong đó tiền gốc là: **164.000.000đ** và tiền lãi chậm trả là: **50.233.424** đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật,chị O có đơn đề nghị thi hành án, nếu chị T và anh L không trả được số nợ trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Mức lãi suất bằng lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS.

3.Về án phí: Anh Hoàng Ngọc L và chị Phạm Thị T phải nộp tiền án phí là: 10.711.671 đ (*Mười triệu, bảy trăm mười một ngàn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng*).

-Trả lại cho chị Lê Thị O số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 4.250.000đ (*Bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005032 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự Bỉm sơn

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án Dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị O vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/5/2022) anh Hoàng Ngọc L và chị Phạm Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG